

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2597 /UBND-TH3

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 4 năm 2022

V/v kế hoạch tài chính năm 2022
của Công ty TNHH một thành viên
lâm nghiệp Tam Hiệp

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Tam Hiệp.

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 682/STC-ĐT ngày 05/4/2022 về việc kế hoạch tài chính năm 2022 của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Tam Hiệp,

Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Tam Hiệp có trách nhiệm tổ chức thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2022 đã được Sở Tài chính thẩm định tại Văn bản số 682/STC-ĐT ngày 05/4/2022 nêu trên theo đúng quy định. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch và những vấn đề vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Tam Hiệp theo đúng quy định. /nn

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như trên;
- Các sở: KHĐT, NN&PTNT;
- LĐ VP;
- Lưu: VT, TH3, LN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm S

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DIVISION OF THE PHYSICAL SCIENCES

PHYSICS DEPARTMENT
5720 S. DICKINSON DRIVE
CHICAGO, ILLINOIS 60637

Dear _____:

I am pleased to inform you that your application for admission to the Ph.D. program in Physics has been accepted. You will be joining the department in the fall of 19____.

Yours truly,

Chairman, Department of Physics

The following information is for your information:

1. You will be admitted to the Ph.D. program in Physics for the fall semester of 19____.

2. You will be assigned to the supervision of _____, who is currently an Assistant Professor in the Department of Physics.

3. You will be expected to complete the following courses during your first year of study:

- PHYS 401: Quantum Mechanics I
- PHYS 402: Quantum Mechanics II
- PHYS 403: Statistical Mechanics
- PHYS 404: Electrodynamics

4. You will be expected to complete a thesis during your second year of study.

5. You will be expected to complete your Ph.D. program within a maximum of five years.

PHYS 401 - QUANTUM MECHANICS I
PHYS 402 - QUANTUM MECHANICS II

PHYS 403 - STATISTICAL MECHANICS
PHYS 404 - ELECTRODYNAMICS
PHYS 405 - SPECIAL TOPICS
PHYS 406 - ADVANCED TOPICS

Page 2

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 682/STC-ĐT

Lâm Đồng, ngày 05 tháng 4 năm 2022

V/v kế hoạch tài chính năm
2022 của Công ty TNHH
MTV Lâm nghiệp Tam Hiệp

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015;

Trên cơ sở Kế hoạch tài chính năm 2022 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tam Hiệp tại Văn bản số 63/TTr-CTTH ngày 01/3/2022, Sở Tài chính báo cáo và kính đề nghị UBND tỉnh cho ý kiến đối với Kế hoạch tài chính năm 2022 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tam Hiệp, cụ thể như sau:

1. Cơ sở xây dựng Kế hoạch tài chính năm 2022:

- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

- Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng Phê duyệt đơn giá đặt hàng quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên tại Công ty TNHH MTV lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng Phê duyệt đơn giá đặt hàng quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên đang giao khoán bằng nguồn ngân sách tỉnh tại Công ty TNHH MTV lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

- Văn bản số 6229/UBND-LN ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc chỉ đạo một số nội dung liên quan đến đơn giá đặt hàng quản lý bảo vệ đối với diện tích rừng tự nhiên đang giao khoán bằng nguồn ngân sách tỉnh tại các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp;

- Văn bản số 7291/UBND-LN ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh về việc phương pháp tính đơn giá đặt hàng; cơ chế quản lý bảo vệ rừng; cơ chế tài chính đối với diện tích rừng trong lưu vực chi trả dịch vụ môi trường rừng tại các công ty lâm nghiệp;

- Tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Kế hoạch tài chính năm 2022:

- CT
- gđ
- Phòng KT-TT

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP TAM HIỆP
ĐẾN
Số: 144
Ngày: 14/4/2022

sa

b) Sản phẩm xuất khẩu							
II- SP Công ích - Nhà nước đặt hàng							
1. DT được giao QL BVR							
Diện tích rừng đã giao khoán NST		ha	19.294,52	19.294,52	100,0	19.294,52	100
Diện tích Công ty tự quản lý		ha	509,12	509,12	100,0	509,12	100
Diện tích giao khoán DVMTR		ha	1.299,66	1.299,66	100,0	1.299,66	100
Diện tích GK DVMTR Công ty tự QL		ha	388,70	388,701	100,0	388,701	100
Diện tích giao khoán DVMTR(hộ dân hưởng)		ha	1.690,81	1.690,81	100,0	1.690,81	100
2. Đơn giá							
Diện tích rừng đã giao khoán NST		tr.đồng	0,254	0,254	100,0	0,254	
Diện tích Công ty tự quản lý		tr.đồng	0,312	0,312	100,0	0,312	
Diện tích giao khoán DVMTR		tr.đồng	0,189	0,173	91,5	0,173	
Diện tích GK DVMTR Công ty tự QL		tr.đồng	0,681	0,681	100,0	0,681	
Diện tích giao khoán DVMTR(hộ dân hưởng)		tr.đồng	0,6	0,600	100,0	0,600	
Diện tích giao khoán DVMTR- 10% KPQL		tr.đồng	0,081	0,081	100,0	0,081	
B- CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH							
I. Kết quả kinh doanh							
1. Tổng doanh thu		tr.đồng	12.291	12.884	104,8	7.796	60,507
a. Doanh thu thuần	10-BCKQKD	tr.đồng	12.191	12.553	103,0	7.496	59,713
1. Doanh thu kinh doanh		tr.đồng	5.654	5.536	97,9	675	12,194
2. Doanh thu theo đơn đặt hàng của NN		tr.đồng	6.537	6.701	102,5	6.701	
Diện tích rừng đã giao khoán NST		tr.đồng	4.901	4.901	100,0	4.901	100,0
Diện tích Công ty tự quản lý		tr.đồng	159	159	99,9	159	100,0
Diện tích giao khoán DVMTR		tr.đồng	246	225	91,5	225	100,0
Diện tích GK DVMTR Công ty tự QL		tr.đồng	55	265	481,3	265	100 ^
Diện tích giao khoán DVMTR(hộ dân hưởng)		tr.đồng	1.176	1.014	86,3	1.014	100,0
Diện tích giao khoán DVMTR- 10% KPQL của hộ dân hưởng)		tr.đồng		137		137	100,0
3. Điều chỉnh doanh thu tăng do diện tích đặt hàng		tr.đồng		30			
4. Điều chỉnh giảm doanh thu DVMTR do chênh lệch giá		tr.đồng		(101)			
5. Doanh thu thuế TS		tr.đồng		100		120	
6. Doanh thu lâm sinh		tr.đồng		217			
b. Doanh thu hoạt động tài chính	2I-BCKQKD	tr.đồng	100	277	277,0	300	
c. Doanh thu khác	31-BCKQKD	tr.đồng		54			
2. Lãi phát sinh							
a. Trước thuế TNDN	50-BCKQKD	tr.đồng	330	350		350	
	60-BCKQKD	tr.đồng	264	274		280	

3. Lũy phát sinh		tr.đồng				0	
4. Lũy kế		tr.đồng				0	
II. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		tr.đồng					
1. Từ hoạt động KD nội địa		tr.đồng	561	531	94,7	237,5	
a. Thuế GTGT		tr.đồng	415	326	78,6	67,5	
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt		tr.đồng		0		0	
c. Thuế TNDN		tr.đồng	66	76	115,2	70	
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác		tr.đồng	80	129	161,3	100	
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK		tr.đồng					
3. Thu từ lợi nhuận sau thuế		tr.đồng					
III. Thuế và các khoản đã nộp NSNN		tr.đồng					
1. Từ hoạt động KD nội địa		tr.đồng		642		270	
a. Thuế GTGT		tr.đồng		461		100	
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt		tr.đồng					
c. Thuế TNDN		tr.đồng		30		70	
Trong đó: số nộp cho phát sinh năm trước		tr.đồng		149			
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác		tr.đồng		151		100	
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK		tr.đồng					
3. Thu từ lợi nhuận sau thuế		tr.đồng					

Ghi chú:

- (1) Sản lượng gỗ khai thác rừng trồng năm 2021 bao gồm gỗ từ khai thác trắng năm 2020 chuyển qua và tĩa thừa rừng trồng. Sản lượng gỗ khai thác rừng trồng từ năm 2022 trở đi là sản lượng gỗ tận dụng từ tĩa thừa nuôi dưỡng rừng trồng Thông ba lá, không thuộc đối tượng tạm dừng khai thác trắng rừng trồng Thông 3 lá giai đoạn 2021-2025 tại Văn bản số 314/UBND-LN ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh;
- (2) Đơn giá đặt hàng trên diện tích GK trong lưu vực chi trả DVMTR 173.000 đồng/ ha (= 254.000 đồng/ha - {681.000 đồng/ ha - 600.000 đồng/ha}). Trong đó, đơn giá 254.000 đồng/ ha theo Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 27/9/2019; đơn giá chi trả dịch vụ môi trường rừng trong lưu vực sông Đồng Nai năm 2022 là 681.000 đồng/ha theo Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 15/7/2021.
- (3) Đơn giá 312.000 đồng/ha theo Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng;
- (4) Đơn giá diện tích RTN GK từ nguồn DVMTR đơn vị được hưởng 81.000 đồng/ha (=681.000 đồng/ ha - 600.000 đồng/ha)
- (5) Đơn giá giao khoán QL BVR 600.000 đồng/ha là đơn giá Chủ rừng ký hợp đồng với các hộ nhân khoán

